

Số : 8890 /QĐ-TCĐK-TCKT

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2010

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn cá nhân tại  
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam

### TỔNG GIÁM ĐỐC

### TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Căn cứ Giấy phép số 72/GP-NHNN ngày 17/3/2008 và Quyết định 1617/QĐ-NHNN ngày 21/7/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp phép thành lập và hoạt động cho Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế số 0101057919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 6 cho Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam ngày 12/3/2010;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam;

- Xét đề nghị của Ban Tài chính Kế toán;

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn cá nhân**” tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/12/2010 và thay thế Quyết định 8572/QĐ-TCĐK-TCKT của Tổng Giám Đốc ký ngày 25/11/2010.

**Điều 3:** Các Ông/Bà Trưởng các phòng ban trong Tổng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- HDQT (để báo cáo);
- Lưu VT, B.TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thiện Bảo



**BIỂU LỢI TỨC ỦY THÁC QUẢN LÝ VỐN CÁ NHÂN**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1890/QĐ-TCDK-TCKT ngày 07 tháng 12 năm 2010 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam)

**1. Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn VND:**

Kỳ lợi tức	Lợi tức (%/năm)
1 tháng	12,50
2 tháng	12,50
3 tháng	12,50
6 tháng	12,50
9 tháng	12,50
12 tháng	13,50
18 tháng	13,50
24 tháng	13,50

**Biểu lợi tức của thời gian thực UTQLV theo từng kỳ lợi tức tương ứng:**

Thời gian thực UTQLV (T)	Lợi tức (%/năm)
T < 1 tháng	3,00
1 tháng <= T < 2 tháng	11,88
2 tháng <= T < 3 tháng	11,88
3 tháng <= T < 6 tháng	11,88
6 tháng <= T < 9 tháng	11,88
9 tháng <= T < 12 tháng	11,88
12 tháng <= T < 18 tháng	12,83
18 tháng <= T < 24 tháng	12,83

**2. Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn USD:**

Kỳ lợi tức	Lợi tức (%/năm)
1 tháng	3,20
2 tháng	3,50
3 tháng	3,80
6 tháng	4,10
9 tháng	4,30
12 tháng	4,70
18 tháng	4,50
24 tháng	4,50

**Biểu lợi tức của thời gian thực UTQLV theo từng kỳ lợi tức tương ứng:**

Thời gian thực UTQLV (T)	Lợi tức (%/năm)
T < 1 tháng	0,20
1 tháng <= T < 2 tháng	3,04
2 tháng <= T < 3 tháng	3,33
3 tháng <= T < 6 tháng	3,61
6 tháng <= T < 9 tháng	3,90
9 tháng <= T < 12 tháng	4,09
12 tháng <= T < 18 tháng	4,47
18 tháng <= T < 24 tháng	4,28

